

**CHỨNG THƯ CHẤT LƯỢNG**  
**INSPECTION CERTIFICATE**  
**Số/Nº: 129/2021/SP**

- Tên hàng hóa:** **Urea Bio**  
Product name Urea Bio
- Khối lượng:** 726.68 tấn  
Quantity
- Thông tin sản phẩm:** Sản phẩm Urea Bio đóng bao 40 kg  
Information product NSX: 09/04/2021; HSD: 02 năm  
Ngoại quan sản phẩm: hạt có một màu, tròn đều không có tạp chất, hòa tan tốt trong nước
- Xuất xứ/nơi sản xuất hàng hóa:** Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau  
Origin of goods Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Ward, U Minh District, Ca Mau Province.
- Địa điểm thực hiện:** Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau  
Place of inspection Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Ward, U Minh District, Ca Mau Province.
- Thời gian thực hiện:** 09/04/2021  
Time of inspection
- Giám định viên:** Trần Quang Thoại  
Inspector
- Nội dung giám định:** Theo TCCS 78:2020/PVCFC  
Based on The Standard TCCS 78:2020/PCVFC
- Kết quả phân tích mẫu:**  
Analysis results

| STT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Components                                  | Phương pháp thử<br>Testing Method | Đơn vị<br>Unit | Tiêu chuẩn<br>kỹ thuật<br>Specifications | Kết quả<br>Results  | Ghi chú<br>Note |
|-----------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|------------------------------------------|---------------------|-----------------|
| 1         | Tổng Nitơ (N) <sup>(1)</sup><br>Nitrogen content(N)         | TCVN 8557:2010                    | % wt           | 46.0                                     | 46.17               |                 |
| 2         | Biuret <sup>(1)</sup><br>Biuret content                     | AOAC 976.01                       | % wt           | 1.0                                      | 0.92                |                 |
| 3         | Ẩm <sup>(1)</sup><br>Moisture content                       | TCVN 2620:2014                    | % wt           | 1.0                                      | 0.47                |                 |
| 4         | Kích thước hạt (2- 4.5mm) <sup>(1)</sup><br>Particle – size | TCVN 2620:2014                    | % wt           | 95                                       | 99.34               |                 |
| 5         | Vi sinh vật Bacillus <sup>(2)</sup><br>Bacillus             | HD-PTSP-PPT-01                    | CFU/mg         | 1*10 <sup>6</sup>                        | 4.9*10 <sup>6</sup> |                 |

Ghi chú (Note): (1) Các chỉ tiêu phân tích tại phòng QLCL- Nhà máy Đạm Cà Mau (Items are analysed by Quality Assurance Department of Ca Mau Fertilizer Plant)

(2) Các chỉ tiêu phân tích tại Trung tâm nghiên cứu phát triển- PVCFC (Items are analysed by Research & Development Centre- PVCFC)

- Kết luận:** Phù hợp theo TCCS 78:2020/PVCFC  
Conclusion In conformity with the Standard TCCS 78:2020/PCVFC

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QLCL**  
**TRƯỞNG BỘ PHẬN KSCL**

Deputy Manager of Quality Assurance Department

